

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÐ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25/01/2022

“V/v: Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Tình.

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông Phạm Thành Đô.

2. Ông Trần Đức Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 333/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2021, về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 3, xã TN, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1971. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 3, xã TN, huyện BÐ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 27/9/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Duy T tự nguyện tìm hiểu và chung sống từ năm 1998; đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã YD huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong cuộc sống hôn nhân thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do mỗi người một tính cách, không thông cảm, chia sẻ công

việc gia đình; ông T nghi ngờ bà có quan hệ tình cảm với người khác. Từ đó thường xuyên lăng mạ, đánh đập bà nhiều lần. Trong thời gian gần đây, ông T còn có hành vi bạo lực gia đình, đe dọa giết bà, khiến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Bà thấy mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, không còn có thể níu kéo và không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Nguyễn Duy L, sinh năm 1999 và Nguyễn Duy C, sinh ngày 11/5/2005. Bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Duy C, không yêu cầu cấp dưỡng. Đối với con chung Nguyễn Duy L đã thành niên, không yêu cầu giải quyết người trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Nguyễn Duy T quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc; không gửi ý kiến cho Tòa án và không tham gia phiên tòa sơ thẩm. Đồng thời đã bỏ đi khỏi địa phương sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án.*

** Tại biên bản xác minh tình trạng mâu thuẫn gia đình ngày 18/11/2021 giữa Tòa án nhân dân huyện BD với đại diện chính quyền địa phương nơi ông T và bà H sinh sống thể hiện: Ông T bà H xảy ra mâu thuẫn gia đình, nguyên nhân là do nghi ngờ một bên quan hệ tình cảm nam nữ với người khác, có xảy ra cãi vã gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Vì vậy Công an xã đã mời ông T và bà H đến làm việc; ông T có làm bản cam kết không gây mất trật tự tại địa phương.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết nguyên đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, việc làm đơn là tự nguyện; bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Duy T tự nguyện tìm hiểu và chung sống từ năm 1998; đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã YD, huyện YL, tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/10/1998. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân là hợp pháp, theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân & gia đình năm 1986, hiện nay là Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014.

Trong thời gian chung sống bà H và ông T xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thiếu sự thông cảm, chia sẻ công việc gia đình và nghi ngờ một bên có quan hệ tình cảm nam nữ với người khác. Khoảng giữa tháng 10/2021 ông T và bà H đã sống ly thân cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt văn

bản tố tụng hợp lệ cho ông T, nhưng ông T không đến Tòa án làm việc và không gửi ý kiến cho Tòa án nên được coi như tự từ bỏ yêu cầu của mình đối với nguyên đơn. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa bà H và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 nên yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai các đương sự trong hồ sơ thể hiện ông T và bà H có 02 con chung là Nguyễn Duy L, sinh năm 1999 và Nguyễn Duy C, sinh ngày 11/5/2005. Quá trình giải quyết vụ án bà H có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung Nguyễn Duy C, đối với con chung còn lại đã thành niên không yêu cầu giải quyết người trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Căn cứ lời khai các con chung của ông T bà H thể hiện: Cháu Nguyễn Duy C có nguyện vọng ở với bà H. Cháu Nguyễn Duy L đã thành niên, không yêu cầu giải quyết người trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án ông T không gửi ý kiến cho Tòa án. Hiện nay không còn sinh sống tại địa phương. Các con chung đang ở chung với bà H và có nguyện vọng ở với bà H nếu cha mẹ phải ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển của con chưa thành niên, cần thiết giao con chung Nguyễn Duy C cho cho bà H nuôi dưỡng. Các bên có quyền thăm mom con và yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014. Các đương sự không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết. Đối với con chung Nguyễn Duy L hiện nay đã thành niên, không yêu cầu gì đối với ông T và bà H nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a Khoản 5 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn ông Nguyễn Duy T; Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Duy T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Duy C, sinh ngày 11/5/2005 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bên không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 016448 ngày 27/9/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện BĐ;
- CCTHADS huyện BĐ;
- UBND xã YD;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình